

Bình đẳng giới và giới tính trong nghiên cứu (SAGER): Sự cần thiết của Bộ hướng dẫn SAGER và cách sử dụng

(Bản dịch thuật và bổ sung)

**European
Association of
Science
Editors**

EASE

Bản dịch bộ hướng dẫn SAGER được thực hiện với sự ủy quyền của Joan Marsh, phụ trách Gender Policy Committee (Hiệp hội Các nhà biên tập Khoa học Châu Âu – EASE). Đây là bản tiếng Việt chính thức được lưu hành trên trang web của EASE.

Trang thông tin EASE VRC:

<https://ease.org.uk/communities/regional-chapters/vietnamese-regional-chapter/>

Ghi chú:

Bản gốc được đăng trên tạp chí ***Research Integrity and Peer Review***, với thông tin thư viện chi tiết như sau:

Heidari, S., Babor, T.F., De Castro, P. et al. Sex and Gender Equity in Research: rationale for the SAGER guidelines and recommended use. *Res Integr Peer Rev* 2016;1: 2. <https://doi.org/10.1186/s41073-016-0007-6>.

Thông tin chi tiết về Bộ hướng dẫn SAGER được cung cấp trên trang chủ của Hiệp hội Các nhà biên tập Khoa học Châu Âu (EASE), tại địa chỉ Internet: <https://ease.org.uk/communities/gender-policy-committee/the-sager-guidelines/>

Tóm tắt

Khái quát chung:

Sự khác biệt về giới (Gender) và giới tính (Sex) thường bị các nhà nghiên cứu bỏ qua trong khi thiết kế nghiên cứu, thực hiện nghiên cứu và báo cáo khoa học, cũng như trong truyền thông khoa học nói chung. Việc không chú ý tới yếu tố này làm hạn chế tính khái quát của các kết quả nghiên cứu và khả năng ứng dụng của chúng vào thực hành lâm sàng, không chỉ đối với nữ giới mà cả nam giới. Bài viết này mô tả cơ sở lý luận cho một bộ hướng dẫn quốc tế nhằm khuyến khích một cách tiếp cận có hệ thống hơn để báo cáo về giới và giới tính trong nghiên cứu trong các ngành.

Phương pháp

Một nhóm gồm 13 chuyên gia đại diện cho chín quốc gia đã phát triển các hướng dẫn thông qua một loạt các cuộc họp từ xa, thuyết trình hội nghị và 2 ngày thảo luận. Một cuộc khảo sát trên internet với 716 biên tập viên tạp chí, các nhà khoa học và các thành viên khác của cộng đồng xuất bản quốc tế đã được thực hiện; cùng với đó là việc rà soát tài liệu về chính sách giới và giới tính trong xuất bản khoa học.

Kết quả

Hướng dẫn Bình đẳng giới và giới tính trong nghiên cứu (Sex and Gender Equity in Research – SAGER) là một quy trình toàn diện để báo cáo thông tin về giới và giới tính trong thiết kế nghiên cứu, phân tích dữ liệu, kết quả và giải thích kết quả.

Kết luận

Bộ hướng dẫn SAGER được thiết kế chủ yếu để giúp các tác giả chuẩn bị bản thảo, nhưng chúng cũng hữu ích cho các biên tập viên, với tư cách là người “gác cổng” của khoa học, để tích hợp đánh giá về giới và giới tính vào tất cả các bản thảo như một phần không thể thiếu của quá trình biên tập.

Bình đẳng giới và giới tính trong nghiên cứu (SAGER): Sự cần thiết của Bộ hướng dẫn SAGER và cách sử dụng

Tác giả:

Shirin Heidari, Thomas F. Babor, Paola De Castro, Sera Tort & Mirjam Curno

Khái quát chung:

Giới (Gender) và giới tính (Sex) là những yếu tố quan trọng quyết định sức khỏe và hạnh phúc. Giới tính (Sex) đề cập đến một tập hợp các thuộc tính sinh học ở người và động vật có liên quan đến các đặc điểm sinh lý. Các đặc điểm sinh lý bao gồm nhiễm sắc thể, biểu hiện gen, chức năng hormone và giải phẫu sinh sản / tình dục [1]. Giới tính thường được phân loại là nữ hoặc nam, mặc dù có sự khác biệt trong các thuộc tính sinh học cấu thành giới tính và cách các thuộc tính đó được thể hiện.

Giới (Gender) đề cập đến vai trò, hành vi và danh tính do xã hội kiến tạo của nữ giới, nam giới, và những người đa dạng giới (gender-diverse) [1]. Nó ảnh hưởng đến cách mỗi người nhận thức về bản thân và những người xung quanh, cách họ cư xử và tương tác cũng như sự phân phối quyền lực và tài nguyên trong xã hội. Giới thường được quan niệm không chính xác do cách phân chia nhị phân là nam/nữ. Trên thực tế, có tồn tại một phổ các bản dạng giới (gender identities) và các biểu đạt giới (gender expressions) mà các cá nhân có thể tự xác định và thể hiện thuộc tính về giới của bản thân. Bảng giải thích thuật ngữ được cung cấp trong Phụ lục 1 để xác định ý nghĩa của giới tính, giới và các thuật ngữ liên quan.

Sự tương tác giữa giới và giới tính ảnh hưởng đến sức khỏe và hạnh phúc theo nhiều cách khác nhau. Cả hai đều tác động đến rủi ro môi trường và nghề nghiệp, hành vi chấp nhận rủi ro, tiếp cận chăm sóc sức khỏe, hành vi tìm kiếm sức khỏe, sử dụng chăm sóc sức khỏe và kinh nghiệm nhận thức về chăm sóc sức khỏe, do đó, tác động đến tỷ lệ mắc bệnh và kết quả điều trị. Ngoài ra, các bằng chứng đã chỉ ra được động học và được lực học của các tác nhân được phẩm có sự khác nhau giữa hai giới tính, dẫn đến sự khác biệt giữa hồ sơ sự kiện và tác động tới kết quả điều trị. Vì vậy, giới và giới tính là những yếu tố cực kì quan trọng của sức khỏe [2].

Thành kiến giới và giới tính trong thực hiện nghiên cứu

Mặc dù nhận thức được tầm quan trọng của giới và giới tính trong hầu hết các lĩnh vực nghiên cứu, lỗ hổng lớn về kiến thức này vẫn tồn tại do sự chú ý của khoa học đối với một giới hay giới tính nhất định và vì một quan niệm sai lầm rằng phân chia giới tính không áp dụng cho các sinh vật sống có thể được phân loại theo giới tính [3-6].

Khoảng cách về số lượng phụ nữ trong các nghiên cứu có đối tượng nghiên cứu là con người đã được ghi nhận rõ ràng [1]. Một bài rà soát tổng quan về các thử nghiệm điều trị tim mạch trên hệ thống Cochrane Reviews cho thấy chỉ có 27% tổng số người tham gia thử nghiệm trong 258 thử nghiệm lâm sàng là phụ nữ [7]. Quan trọng hơn, trong số các thử nghiệm tuyển dụng cả nam và nữ, chỉ có một phần ba báo cáo phân tích dựa trên giới tính [8]. Hơn 79% các nghiên cứu trên động vật được công bố trên tạp chí *Pain* trong khoảng thời gian 10 năm chỉ bao gồm các đối tượng nam, và chỉ 4% nghiên cứu về sự khác biệt giới tính [9].

Sự vắng mặt của phụ nữ trong nghiên cứu có thể dẫn đến hậu quả tiêu cực. Trong số mười loại dược phẩm được kê đơn rút khỏi thị trường Hoa Kỳ từ năm 1997 đến 2001, có tám loại gây hại cho phụ nữ nhiều hơn nam giới [10]. Gần đây, Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) đã ban hành thông tin về an toàn, khuyến nghị phụ nữ chỉ nên dùng một nửa liều zolpidem do phụ nữ nhạy cảm cao hơn với các rủi ro của thuốc [11]. Phân tích dựa trên giới và giới tính, trong tất cả các trường hợp này, sẽ cung cấp đầy đủ thông tin để hướng dẫn việc dùng thuốc và áp dụng thuốc ở nam và nữ trước khi phê duyệt.

Thất bại trong việc tiến hành phân tích trên cơ sở giới và giới tính xảy ra trong một loạt các lĩnh vực. Trong ngành kỹ thuật, việc thiếu cân nhắc về sự khác biệt sinh lý và giải phẫu của nam và nữ trong việc phát triển ghế ngồi ô tô đã dẫn đến nguy cơ nữ giới gặp phải chấn thương sau gáy khi lái xe cao hơn so với nam giới [12, 13].

Mặc dù thuật ngữ “khoảng cách giới” (Gender gap) thường được áp dụng cho phụ nữ, nhưng lợi ích mà các phân tích dựa trên giới và giới tính mang lại cho nam giới cũng rất đáng chú ý. Hiện nay, số lượng đối tượng nghiên cứu cả nam lẫn nữ đều tăng lên, và cả những nghiên cứu và báo cáo dữ liệu cụ thể về giới và giới tính. Tuy nhiên, các chính sách về giới tính vẫn chưa được thực thi [3]. Thiếu quan tâm đến sự khác biệt giới và giới tính không chỉ có hại mà có thể còn bỏ lỡ các cơ hội đổi mới. Hiểu được sự khác biệt và điểm tương

đồng cơ bản, khám phá khả năng ứng dụng, tiếp thu và tác động của đổi mới công nghệ, và hiểu sâu hơn về sự biến đổi nhận thức chắc chắn sẽ dẫn đến các cách tiếp cận sáng tạo hơn và giải pháp tốt hơn để đáp ứng nhu cầu của xã hội.

Vai trò của biên tập viên tạp chí và chính sách biên tập

Các biên tập viên đóng một vai trò quan trọng như những người gác cổng của khoa học, bao gồm cả việc đưa ra một khuôn khổ đạo đức có ảnh hưởng đến việc tiến hành nghiên cứu. Với một khối lượng thông tin ngày càng tăng được công bố, mối quan tâm về chất lượng của các ấn phẩm đã dẫn các biên tập viên tạp chí, nhà xuất bản và hiệp hội chuyên nghiệp đến việc thực hiện các hướng dẫn chi tiết. Các quy trình đánh giá đạo đức hiện đang được áp dụng phổ biến trong nghiên cứu trên người và động vật, một phần vì các yêu cầu của tạp chí. Tác động của các chính sách tạp chí đối với việc tuân thủ các nhiệm vụ đã được thể hiện rõ ràng trong các lĩnh vực đa dạng như đăng ký thử nghiệm lâm sàng [14] và báo cáo các rà soát tổng quan hệ thống sau khi Bộ hướng dẫn PRISMA được giới thiệu [15]. Một minh họa khác là việc áp dụng dần dần tuyên bố Tiêu chuẩn Báo cáo thử nghiệm hợp nhất (Consolidated Standards of Reporting Trials – CONSORT), dẫn đến cải thiện báo cáo về các thử nghiệm ngẫu nhiên có kiểm soát [16, 17]. Sau CONSORT và PRISMA, nhiều hướng dẫn báo cáo khác đã được phát triển, bao gồm hướng dẫn ARRIVE cho nghiên cứu trên động vật [18].

Mặc dù việc tiếp tục duy trì và phổ biến các chính sách tiếp tục là một thách thức quan trọng, các tạp chí vẫn có thể đóng một vai trò trọng yếu trong việc thúc đẩy chất lượng và tính minh bạch của dữ liệu được báo cáo bằng cách thúc đẩy việc phân tích dữ liệu nghiên cứu sâu về giới và giới tính như trở thành thói quen.

Trong một hội thảo năm 2011 về báo cáo kết quả khoa học với giới tính cụ thể, do Viện Y học Hoa Kỳ (US Institute of Medicine) tổ chức, các vấn đề chính được bàn thảo là việc các tạp chí và biên tập viên cần cải thiện báo cáo của những nghiên cứu nhạy cảm về giới [3], bao gồm sự phù hợp của các phân tích dữ liệu cụ thể về giới tính, sự vắng mặt của các chính sách tạp chí khuyến khích việc chú trọng đến giới và giới tính trong thiết kế nghiên cứu và báo cáo kết quả.

Trên cơ sở các bằng chứng có sẵn, vào năm 2010, một ủy ban của Viện Y học Hoa Kỳ đã khuyến nghị Ủy ban Biên tập Tạp chí Y tế Quốc tế (International Committee of Medical Journal Editors – ICMJE) và các biên tập viên khác áp

dụng một bộ hướng dẫn rằng tất cả các bài báo cáo kết quả thử nghiệm lâm sàng nên phân tích dữ liệu riêng cho nam và nữ. Kể từ đó, ICMJE đã công bố các bộ hướng dẫn đầy đủ hơn về báo cáo giới và giới tính, khuyến nghị các nhà nghiên cứu bao gồm các nhóm đại diện trong tất cả các loại nghiên cứu, cung cấp dữ liệu mô tả về giới tính và các biến nhân khẩu học khác có liên quan, và phân tầng báo cáo theo giới tính [19].

Việc cung cấp đầy đủ số lượng nam và nữ (và các nhóm dân số khác) trong nghiên cứu, cùng với phân tích tương ứng và báo cáo đầy đủ về dữ liệu nghiên cứu, đòi hỏi nỗ lực phối hợp giữa các nhà tài trợ, nhà nghiên cứu, nhà bình duyệt và biên tập viên [20]. Mặc dù các biên tập viên thường tham gia vào quá trình nghiên cứu sau khi nghiên cứu đã được kết thúc và dữ liệu đã được phân tích, họ vẫn có thể đóng một vai trò quan trọng trong việc đảm bảo báo cáo về giới và giới tính hiệu quả, minh bạch và đầy đủ.

Trong những năm gần đây, một số nhà phê bình về các vấn đề giới và giới tính trong nghiên cứu khoa học đã đưa ra các khuyến nghị liên quan đến các cách tốt nhất để giải quyết các vấn đề đã được xác định. Doull và cộng sự [21, 22] đề xuất rằng phương pháp rà soát hệ thống và phân tích dựa trên giới và giới tính cần được cải tiến và đồng bộ hóa để tăng cường khả năng thu thập, tổng hợp và phân tích bằng chứng cho việc ra quyết định, và họ đã phát triển một công cụ thẩm định để rà soát hệ thống và điều chỉnh nó để đánh giá các nghiên cứu chính và các giao thức cho nghiên cứu mới [22]. Nowatski và Grant [23] cũng đưa ra một phân tích dựa trên những dữ liệu về giới tính, được thiết kế để xác định nguồn gốc và hậu quả của sự bất bình đẳng giữa phụ nữ và nam giới và phát triển các chiến lược để giải quyết chúng. Tạp chí *Clinical Orthopedics and Research* đã xuất bản một bài quan điểm ban biên tập về giới và giới tính trong báo cáo kết quả khoa học năm 2014, bao gồm một bộ các khuyến nghị [5].

Các hiệp hội biên tập, nhà xuất bản, cơ quan tài trợ và các tổ chức lợi ích cộng đồng cũng đã quan tâm đến các vấn đề giới và giới tính. Trong năm 2010, Viện nghiên cứu sức khỏe Canada (Canadian Institutes of Health Research) đã yêu cầu tất cả các ứng viên xin tài trợ đều phải trả lời các câu hỏi bắt buộc về việc liệu thiết kế nghiên cứu của họ có bao gồm giới và giới tính hay không [24]. Những tiến bộ trong việc đưa phụ nữ tham gia nghiên cứu ở Hoa Kỳ có đóng góp phần lớn từ các hành động của NIH năm 1993, quy định phụ nữ và các nhóm dân số thiểu số nên được đưa vào giai đoạn 3 của các thử nghiệm lâm sàng để có thể thực hiện phân tích các khác biệt về hiệu ứng can thiệp [25]. Gần đây, NIH đã công bố kế hoạch yêu cầu các ứng

viên xin tài trợ mô tả cách họ sẽ cân bằng giữa nam và nữ ở các đối tượng nghiên cứu tế bào và động vật trong các nghiên cứu tiền lâm sàng, trừ khi việc tách biệt giới tính là không cần thiết [6].

Bất chấp nhận thức rõ hơn về tầm quan trọng của giới và giới tính trong nghiên cứu và xuất bản khoa học, sự thay đổi vẫn còn chậm trong một số lĩnh vực khoa học và cần phải có thêm những nỗ lực của các tạp chí, biên tập viên và hiệp hội học thuật. Theo ghi nhận của Nieuwenhoven [26], cần có những cách tiếp cận mạnh mẽ để kích thích các nhà khoa học tích hợp các khía cạnh giới và giới tính vào nghiên cứu. Ví dụ, không có bộ khuyến nghị bao quát nào cung cấp các hướng dẫn để báo cáo tốt hơn về giới và giới tính trong các ấn phẩm khoa học trên mọi lĩnh vực. Để giải quyết nhu cầu này, bài viết sẽ mô tả sự phát triển của một bộ hướng dẫn quốc tế nhằm khuyến khích một cách tiếp cận có hệ thống hơn trong báo cáo về giới và giới tính trong nghiên cứu trên mọi lĩnh vực.

Phương pháp:

Hiệp hội Các nhà biên tập Khoa học Châu Âu (EASE) đã thành lập Ủy ban Chính sách Giới tính (Gender Policy Committee – GPC) vào năm 2012 với nhiệm vụ xây dựng một bộ hướng dẫn báo cáo về Giới và giới tính trong Nghiên cứu (Sex and Gender Equity in Research – SAGER). Một hội đồng gồm 13 chuyên gia (tám nữ, năm nam) đại diện cho chín quốc gia đã được chọn bởi Chủ tịch của Ủy ban GPC (Tiến sĩ Heidari). Tám thành viên là biên tập viên cao cấp cho nhiều tạp chí y sinh, và các cá nhân còn lại có chuyên môn về nghiên cứu giới và xuất bản khoa học

Một cuộc khảo sát trên mạng với 716 biên tập viên tạp chí, các nhà khoa học và các thành viên khác của cộng đồng xuất bản quốc tế lần đầu tiên được thực hiện để thu thập thông tin về các chính sách giới và giới tính hiện tại và về sự cần thiết của các chính sách đó. Cuộc khảo sát tập trung vào bốn lĩnh vực chính sách: (1) hướng dẫn cho các tác giả có yêu cầu hoặc khuyến khích phân chia dữ liệu theo giới hay giới tính khi khả thi; (2) các chính sách về giới liên quan đến cấu trúc của ban biên tập; (3) các chính sách cố gắng cân bằng về giới giữa các nhà bình duyệt, và (4) các hướng dẫn yêu cầu nhà bình duyệt đánh giá bản thảo dựa trên việc có đưa vào dữ liệu phân tách giới tính và phân tích giới hay không.

Cuộc khảo sát nhằm vào bốn nhóm: các thành viên của EASE; các thành viên của Hiệp hội Biên tập Tạp chí Nghiện Quốc tế (International Society of Addiction Journal Editors – ISAJE); một mẫu ngẫu nhiên gồm 100 tạp chí

được chọn từ 8607 tên trong cơ sở dữ liệu các tạp chí khoa học SCIE của Thomson Reuters (tại thời điểm khảo sát, hiện CSDL này thuộc Clarivate Analytics); và một mẫu mở trong đó bất kỳ cá nhân nào quan tâm đều có thể hoàn thành khảo sát. Tổng cộng, 716 người được hỏi đã tham gia vào cuộc khảo sát, đại diện cho 339 tạp chí và 114 nhà xuất bản.

Ngoài khảo sát, một số phương pháp khác đã được sử dụng để xác định các lựa chọn chính sách và khuyến nghị của chuyên gia. Đầu tiên, tìm kiếm với từ khóa đã được thực hiện (ví dụ: "giới tính" + "hướng dẫn dành cho các tác giả") để xác định các tạp chí có chính sách cụ thể về giới và giới tính hay không. Ngoài ra, nhóm nghiên cứu cũng đã quét các trang web của các tạp chí được khảo sát mà thể hiện rõ ràng mối lo ngại về lỗ hổng kiến thức về giới và giới tính trong khoa học và các chính sách báo cáo về giới và giới tính của các tạp chí có bình duyệt đã được biết đến bởi Ủy ban GPC.

Trong thời gian 3 năm, Ủy ban GPC đã làm việc thông qua một loạt các cuộc họp từ xa, thuyết trình hội nghị và hội thảo 2 ngày để phát triển các khuyến nghị của mình. Sau khi dự thảo bộ hướng dẫn được phát triển, các quan điểm bất đồng đã được xem xét tại các cuộc họp của các biên tập viên tại các cuộc họp ở Blankenberge, Bỉ và Split, Croatia. Ngoài ra, bản dự thảo cũng đã được đánh giá bởi 36 chuyên gia về giới và giới tính; các ý kiến nhận được đã được đưa vào tài liệu.

Kết quả:

Kết quả khảo sát

Tỷ lệ trung bình của những người được hỏi trong mỗi bốn mẫu trả lời rằng họ có các chính sách về giới và/hoặc giới tính trong các tạp chí của mình là 7%. Những người được hỏi từ các quốc gia mà nam và nữ bình đẳng hơn (chỉ số GII thấp hơn) có nhiều khả năng trả lời rằng các chính sách này đang được áp dụng.

Trong mẫu ngẫu nhiên gồm 100 tạp chí và các nhóm EASE và ISAJE, đa số (75%) không chắc chắn hoặc không muốn đưa ra các câu nhắc về giới và giới tính theo yêu cầu trong phần Hướng dẫn dành cho tác giả. Phụ nữ được hỏi có nhiều khả năng hỗ trợ các chính sách báo cáo về giới và giới tính hơn so với các đồng nghiệp nam. Mặc dù phải thận trọng với các kết luận được rút ra, kết quả khảo sát chỉ ra sự ít ỏi của các chính sách về đến giới và giới tính liên quan tới hướng dẫn cho các tác giả, hướng dẫn cho nhà bình duyệt và cân bằng giới tính ở cả ban biên tập và người phản biện.

Rà soát tổng quan tài liệu

Rà soát tổng quan của nghiên cứu đã xác định các chính sách được phát triển và sử dụng bởi 62 tạp chí, cũng như 25 nguồn tài liệu khác được xuất bản dưới dạng bài báo khoa học, bài quan điểm ban biên tập, báo cáo của ủy ban chuyên gia và bài hội nghị.

Phần lớn các chính sách và hướng dẫn về giới và giới tính rơi vào danh mục Hướng dẫn dành cho tác giả, bao gồm nhiều lĩnh vực khoa học (ví dụ: khoa học động vật, sức khỏe - tâm thần học) và các loại nghiên cứu (ví dụ như động vật, con người, tế bào hoặc kết hợp cả ba). Trong hầu hết các trường hợp, các hướng dẫn chỉ khuyên các tác giả nên báo cáo kết quả cho nam và nữ riêng biệt, nếu phù hợp.

Một số tạp chí [20, 27, 5] đã sử dụng các trang biên tập của họ để thông báo việc áp dụng các chính sách mới hoặc để thúc đẩy nhu cầu nhận thức rõ hơn về các vấn đề giới và giới tính. Ví dụ, các biên tập viên của tạp chí *Clinical Orthopaedic and Related Research* đã xuất bản một bài quan điểm khuyến nghị các nhà nghiên cứu tìm kiếm ấn phẩm trên tạp chí sử dụng các hướng dẫn sau: (1) thiết kế nghiên cứu đủ sức mạnh để trả lời các câu hỏi nghiên cứu cho cả nam và nữ nếu tình trạng sức khỏe đang được nghiên cứu xảy ra ở tất cả các giới và giới tính; (2) cung cấp dữ liệu về giới và/hoặc giới tính cụ thể khi có liên quan trong tất cả các nghiên cứu lâm sàng, khoa học cơ bản và dịch tễ học; (3) phân tích ảnh hưởng (hoặc liên hệ) của giới hoặc giới tính đối với kết quả nghiên cứu, hoặc chỉ ra trong phần Phương pháp tại sao các phân tích đó không được thực hiện và coi chủ đề này là một giới hạn trong phần thảo luận, và (4) nếu phân tích giới hoặc giới tính được thực hiện sau, chỉ ra rằng những phân tích này nên được diễn giải thận trọng.

Trong một hội thảo năm 2011 về “Báo cáo kết quả khoa học với giới tính cụ thể”, phần lớn các bên liên quan do Viện Y học Hoa Kỳ nhóm họp đã xác định các vấn đề chính mà các tạp chí và biên tập viên tạp chí cần giải quyết, như yêu cầu các tác giả báo cáo về giới tính của đối tượng nghiên cứu, không chỉ trong các nghiên cứu với người tham gia mà còn trong nghiên cứu với động vật, tế bào, mô và các vật liệu khác từ người hoặc động vật.

Doull và cộng sự [21] đề xuất rằng các phương pháp đánh giá hệ thống và phân tích dựa trên giới và giới tính cần được chỉnh sửa và đồng bộ hóa để tăng cường khả năng thu thập, tổng hợp và phân tích bằng chứng cho việc đưa ra quyết định. Nowatski và Grant [23] đã đưa ra một lý do cho phân tích dựa trên giới (gender-based analysis – GBA), đó là để xác định các nguyên do

và hậu quả của sự bất bình đẳng giữa phụ nữ và nam giới và để phát triển các chiến lược để giải quyết chúng. Phân tích dựa trên giới tập trung vào sự khác biệt về giới trong y tế, chăm sóc sức khỏe, và các chính sách phù hợp.

Hướng dẫn SAGER

Các chính sách, thủ tục và khuyến nghị được xem xét ở trên được sử dụng làm cơ sở cho Bộ hướng dẫn SAGER, được thiết kế để thúc đẩy báo cáo có hệ thống về giới và giới tính trong nghiên cứu. Các hướng dẫn cung cấp cho các nhà nghiên cứu và tác giả một công cụ để chuẩn hóa báo cáo về giới và giới tính trong các ấn phẩm khoa học, bất cứ khi nào thích hợp. SAGER cũng hướng tới các biên tập viên khi họ có thể sử dụng nó như một công cụ thực tế để đánh giá bản thảo nghiên cứu và như một phương tiện để nâng cao nhận thức của các tác giả và nhà bình duyệt. Mặc dù các hướng dẫn báo cáo thường tập trung vào cách báo cáo những gì thực sự được thực hiện trong một nghiên cứu, nhóm nghiên cứu nhận ra rằng không phải tất cả các mục trong hướng dẫn SAGER đều khả thi hoặc có thể áp dụng cho một nghiên cứu cụ thể. Vì lý do này, SAGER khuyến khích các tác giả, biên tập viên và phản biện xem xét liệu giới và giới tính có liên quan đến chủ đề của nghiên cứu hay không, và theo đó, tuân theo các hướng dẫn bất cứ khi nào có thể. Theo nguyên tắc chung, Bộ hướng dẫn SAGER khuyên các tác giả nên sử dụng cẩn thận các từ "giới" (Gender) và "giới tính" (Sex) để tránh nhầm lẫn hai thuật ngữ. Việc sử dụng các định nghĩa phổ biến sẽ cải thiện khả năng tiến hành phân tích tổng hợp của dữ liệu được công bố và lưu trữ. Thuật ngữ giới tính (Sex) nên được sử dụng để phân loại nam hay nữ dựa trên khác biệt sinh học trong phạm vi mà điều này có thể xác nhận. Các tác giả nên ghi rõ trong phần Phương pháp rằng giới tính của người tham gia được xác định dựa trên tự báo cáo, hay được chỉ định sau khi kiểm tra bên ngoài hoặc bên trong các đặc điểm cơ thể, hay thông qua xét nghiệm di truyền hoặc các phương tiện khác. Trong các nghiên cứu về động vật, tác giả nên sử dụng thuật ngữ giới tính (Sex). Trong các thí nghiệm sinh học tế bào, sinh học phân tử hoặc sinh hóa, nguồn gốc và cấu trúc nhiễm sắc thể giới tính của tế bào hay mô nuôi cấy nên được nêu rõ. Trong trường hợp không biết, lý do nên được nêu đầy đủ. Trong các chuyên ngành khác, chẳng hạn như thử nghiệm thiết bị hoặc công nghệ, các tác giả nên giải thích liệu nó sẽ được áp dụng hay sử dụng bởi tất cả các giới và liệu nó đã được thử nghiệm với chú ý về giới của người dùng.

Có thể công nhận rằng nhiều nghiên cứu sẽ không "được thiết kế" cho việc phản ánh các khác biệt về giới và/hoặc giới tính, nhưng hội thảo cảm thấy

những phân tích này là cần thiết để nâng cao kiến thức về giới và giới tính, đặc biệt là trong nghiên cứu y học.

Bảng 1 trình bày đầy đủ Bộ hướng dẫn SAGER. Bộ hướng dẫn này áp dụng cho tất cả các nghiên cứu với người, động vật hoặc bất kỳ vật liệu nào có nguồn gốc từ người và động vật (ví dụ: nội tạng, tế bào, mô), cũng như các ngành học khác mà kết quả sẽ được áp dụng cho con người như cơ học và kỹ thuật.

Bảng 1. Bộ hướng dẫn Bình đẳng giới và giới tính trong nghiên cứu (SAGER)

Nguyên tắc chung	
<ul style="list-style-type: none"> • Các tác giả nên sử dụng cẩn thận các từ “giới” (Gender) và “giới tính” (Sex) để tránh nhầm lẫn hai thuật ngữ • Trong trường hợp đối tượng của nghiên cứu bao gồm các sinh vật có khả năng phân biệt bằng giới tính, nghiên cứu nên được thiết kế và thực hiện theo cách thức có thể phát hiện sự khác biệt về giới tính trong kết quả, ngay cả khi điều này không được dự kiến từ đầu. • Trong trường hợp các đối tượng nghiên cứu có thể được phân biệt bằng giới (tạo thành từ các trường hợp văn hóa và xã hội), nghiên cứu nên được thực hiện để phù hợp với mức độ phân biệt này. 	
Khuyến nghị cho từng phần trong bài báo	
Tiêu đề và tóm tắt	Nếu chỉ có một giới tính được đưa vào nghiên cứu, hoặc kết quả chỉ phù hợp với một giới hoặc giới tính, tiêu đề và bản tóm tắt nên chỉ định giới tính của động vật hoặc bất kỳ tế bào, mô và vật liệu nào khác có nguồn gốc từ chúng và giới và giới tính của người tham gia
Giới thiệu	Khi cần thiết, các tác giả nên báo cáo các nghiên cứu trước đây có cho thấy sự hiện diện hoặc thiếu vắng sự khác biệt hay tương đồng về giới và/hoặc giới tính hay không.
Phương pháp	Các tác giả nên báo cáo liệu giới và giới tính đã được tính đến trong thiết kế nghiên cứu chưa, đã đảm bảo sự đại diện đầy đủ của nam và nữ, và có đủ lý do cho việc loại trừ nam hay nữ.
Kết quả	Dữ liệu nên được báo cáo với sự phân tách theo giới và giới tính khi thích hợp. Kết quả các phân tích dựa trên giới và giới tính nên được báo cáo bất kể nó là tích cực hay tiêu cực. Trong các thử nghiệm lâm sàng, dữ liệu về những đối tượng rút lui hay bỏ dở

	cũng nên được báo cáo với sự phân tách theo giới tính.
Thảo luận	Ý nghĩa của giới và giới tính đối với phân tích và kết quả nghiên cứu nên thảo luận. Nếu không có phân tích dựa trên giới và giới tính, các tác giả nên chỉ ra lý do thiếu các phân tích, và thảo luận về những hạn chế của nghiên cứu và liệu các phân tích đó có thể ảnh hưởng đến kết quả hay không.

Tiêu đề và tóm tắt

Nếu chỉ có một giới tính được đưa vào nghiên cứu, tiêu đề và tóm tắt nên chỉ rõ giới tính của động vật hoặc bất kỳ tế bào, mô và vật liệu nào khác có nguồn gốc từ chúng và giới tính của người tham gia. Trong các ngành khoa học ứng dụng (công nghệ, kỹ thuật, v.v.), các tác giả nên chỉ ra liệu mô hình nghiên cứu dựa trên một giới tính hay ứng dụng được xem xét cho việc sử dụng một giới tính cụ thể. Đối với các nghiên cứu (về một vấn đề không liên quan đến giới tính cụ thể) trong đó chỉ có một giới tính được sử dụng, tiêu đề bài viết nên nêu rõ thực tế này bằng cách nêu rõ nam giới hay nữ giới trong tiêu đề và tóm tắt. Nếu nuôi cấy tế bào sơ cấp, mô, v.v., được lấy từ một giới tính, giới tính nên được chỉ định trong tiêu đề [3].

Giới thiệu

Khi thích hợp, các tác giả nên báo cáo các nghiên cứu trước đây có cho thấy sự hiện diện hoặc thiếu vắng sự khác biệt hay tương đồng về giới hoặc giới tính hay không. Nếu các nghiên cứu như vậy đang thiếu, các tác giả nên giải thích liệu giới và/hoặc giới tính có thể là một biến thể quan trọng và liệu sự khác biệt có thể được dự báo.

Phương pháp

Các tác giả nên báo cáo về việc giới và giới tính đã được tính đến trong thiết kế nghiên cứu hay chưa, đảm bảo sự đại diện đầy đủ của nam và nữ, và nêu rõ lý do loại trừ nam hay nữ. Các lựa chọn phương pháp luận về giới và giới tính liên quan đến nghiên cứu dân số và phương pháp phân tích nên được báo cáo và biện minh theo cách tương tự như các lựa chọn phương pháp khác.

Các nghiên cứu trong cơ thể sống (*in vivo*) và trong ống nghiệm (*in vitro*) sử dụng nuôi cấy tế bào chính, hoặc các dòng tế bào từ người hoặc động vật, hoặc nghiên cứu ngoài cơ thể sống (*ex vivo*) với các mô từ người hoặc động

vật phải nêu rõ giới tính của các đối tượng hoặc các nguồn hiến tặng, ngoại trừ các dòng tế bào bất tử, với tỷ lệ biến đổi rất cao [3]. Trong các trường hợp khác, ví dụ: Nuôi cấy phôi hoặc nuôi cấy sớm sau sinh, các dòng tế bào bất tử từ nuôi cấy hỗn hợp hoặc các thí nghiệm đã hoàn thành trước đó mà không được ghi nhận giới tính, các nhà nghiên cứu nên xác định giới tính của các tế bào hoặc các dòng tế bào bằng phân tích nhiễm sắc thể và chỉ sử dụng kí hiệu "hỗn hợp" hoặc "không biết" khi không thể xác định giới tính thông qua bất kỳ phương pháp nào.

Kết quả

Dữ liệu nên được báo cáo phân tách theo giới tính, và một phân tích về sự khác biệt và tương đồng về giới và giới tính nên được mô tả, khi thích hợp. Sự khác biệt về giải phẫu và sinh lý giữa nam và nữ (chiều cao, cân nặng, khối lượng cơ thể, số lượng tế bào, chu kỳ hormone, v.v.) cũng như các biến số xã hội và văn hóa (tình trạng kinh tế, giáo dục, vv) nên được xem xét trong việc trình bày dữ liệu và/hoặc phân tích kết quả. Nhóm nghiên cứu khuyến nghị sử dụng danh sách kiểm tra giới tính đối với động vật, mô, tế bào và nuôi cấy [28]. Nếu các phân tích dựa trên giới và giới tính đã được thực hiện, kết quả nên được báo cáo bất kể là tích cực hay tiêu cực. Trong các nghiên cứu ở người, dữ liệu về tuyển chọn, tham gia, rút lui, ngừng lại và mất khả năng theo dõi nên được báo cáo với sự phân tách theo giới và giới tính (khi thích hợp). Đồng thời, ảnh hưởng của các yếu tố giới và giới tính nên được đánh giá trên cơ sở vai trò giả thiết của họ trong quan hệ nhân quả, tiến trình, hiệu quả điều trị, tác động và kết quả của các vấn đề sức khỏe. Các tác giả nên hạn chế tiến hành phân tích dựa trên giới tính nếu thiết kế nghiên cứu không đủ để đưa ra kết luận có ý nghĩa. Trong mọi trường hợp, dữ liệu thô nên được công bố phân tách theo giới và giới tính để gộp và phân tích tổng hợp trong tương lai.

Trong các nghiên cứu dịch tễ học, tác động của các phơi nhiễm khác, chẳng hạn như các biến số kinh tế xã hội, đối với các vấn đề sức khỏe nên được kiểm tra cho tất cả các giới và nên được phân tích nghiêm túc từ góc độ giới.

Nhóm nghiên cứu hiểu rằng các hướng dẫn báo cáo tập trung vào cách báo cáo những gì đã thực sự được thực hiện. Tuy nhiên, không phải tất cả các mục trong Bộ hướng dẫn SAGER đều cần được thực hiện, như được chỉ ra bởi từ "nếu có thể". Các hướng dẫn của SAGER nhằm thúc đẩy bình đẳng giới và giới tính trong nghiên cứu; do đó, nó khuyến khích các tác giả, biên tập viên và phản biện xem xét liệu giới và giới tính có liên quan đến chủ đề của nghiên

cứu hay không, và theo đó, tuân theo các hướng dẫn, bất cứ khi nào có thể áp dụng.

Thảo luận

Ý nghĩa của giới và giới tính đối với việc giải thích kết quả nghiên cứu nên được xây dựng, bao gồm mức độ mà các phát hiện có thể được khái quát cho tất cả các giới và giới tính trong mẫu tham gia nghiên cứu. Nếu không có phân tích dựa trên giới và giới tính đã được thực hiện, các tác giả nên chỉ ra lý do thiếu các phân tích đó khi thảo luận về những hạn chế của nghiên cứu và nêu rõ liệu các phân tích đó có thể ảnh hưởng đến kết quả hay không.

Khi diễn giải kết quả nghiên cứu, các nghiên cứu trong quá khứ nên được kiểm tra về cả sự nghiêm ngặt của phương pháp và thành kiến giới tính trong thủ tục và diễn giải. Các tác giả nên tránh nhầm lẫn giới với giới tính và giảm thiểu những giải thích quá phức tạp hoặc quá đơn giản. Các tác giả nên xem xét tất cả các giải thích có thể cho các hiện tượng liên quan đến giới và giới tính bao gồm các yếu tố xã hội, văn hóa, sinh học và tình huống, nhận ra rằng nhiều hành vi liên quan đến giới tính có thể xuất phát từ yếu tố văn hóa hoặc sinh học. Sự hợp tác giữa sinh học và hành vi không tạo thành bằng chứng cho nguyên nhân sinh lý.

Phụ lục 2 cung cấp một bộ câu hỏi nhằm nâng cao nhận thức của các tác giả. Đối với nhiều lĩnh vực c liên quan đến thực hiện nghiên cứu gốc, danh sách này có thể làm cơ sở cho việc chuẩn bị bản thảo để nộp.

Kết luận

Bộ hướng dẫn SAGER đã được phát triển trong khoảng thời gian 3 năm bởi một nhóm đa ngành bao gồm các nhà khoa học, và biên tập viên, bằng phương pháp rà soát tài liệu, phản hồi của chuyên gia và tham vấn cộng đồng tại các hội nghị. Các tác giả, biên tập viên, nhà xuất bản, nhà bình duyệt và các thành viên khác của cộng đồng khoa học đều có vai trò trong việc giải quyết vấn đề ít được chú ý là giới và giới tính trong mọi khía cạnh của xuất bản khoa học.

Bộ hướng dẫn SAGER cung cấp cho các nhà nghiên cứu và tác giả một công cụ để chuẩn hóa cách báo cáo giới và giới tính trong công bố khoa học. Chúng được thiết kế để cải thiện báo cáo giới và giới tính của nghiên cứu khoa học, làm hướng dẫn cho các tác giả và người bình duyệt, đủ linh hoạt để phù hợp với nhiều lĩnh vực nghiên cứu và cải thiện việc truyền đạt kết quả nghiên cứu. Tuy nhiên, hướng dẫn không đưa ra khuyến nghị rõ ràng đối với

những mẫu nghiên cứu có đa dạng về giới. Nhóm nghiên cứu hiểu rằng hầu hết các nghiên cứu sẽ không được cung cấp để phát hiện sự khác biệt về hiệu ứng đối với các nhóm nghiên cứu đa dạng về giới như người chuyển giới, đặc biệt là ở các quốc gia chưa có sự đa dạng này. Tuy nhiên, các tác giả cần xem xét sự liên quan của nghiên cứu của họ đối với những mẫu nghiên cứu này.

Các biên tập viên cần làm rõ rằng việc tích hợp các vấn đề về giới và giới tính là để giúp khoa học trở nên đạo đức và nghiêm ngặt hơn. Trong phạm vi các nhiệm vụ khó thực hiện, nhóm nghiên cứu khuyên các biên tập viên bám theo các hướng dẫn của SAGER và điều chỉnh chúng cho phù hợp với nhu cầu của các tạp chí và lĩnh vực khoa học của họ bằng cách đưa ra các ví dụ về thực hành tốt cho từng mục. Tối thiểu, các tạp chí xuất bản nghiên cứu gốc nên yêu cầu trong hướng dẫn của họ cho các tác giả rằng tất cả các bài báo trình bày dữ liệu phân tách theo giới và giới tính, và khi áp dụng, giải thích đầy đủ về sự khác biệt và tương đồng về giới và giới tính này. Hình 1 cung cấp một danh sách các câu hỏi có thể được sử dụng để hướng dẫn sàng lọc ban đầu các bản thảo đã gửi. Các biên tập viên nên giới thiệu các câu hỏi cụ thể trong danh sách kiểm tra được sử dụng để sàng lọc các bài nộp ban đầu, như một nỗ lực để hệ thống hóa việc đánh giá các bản thảo cũng như nâng cao ý thức về giới với các nhân viên trong ban biên tập. Sau đây là một ví dụ về các câu hỏi có thể được giới thiệu trong các biểu mẫu đánh giá ngang hàng:

Hình 1. Sơ đồ hướng dẫn của SAGER cho các quá trình sàng lọc ban đầu các bản thảo của biên tập viên

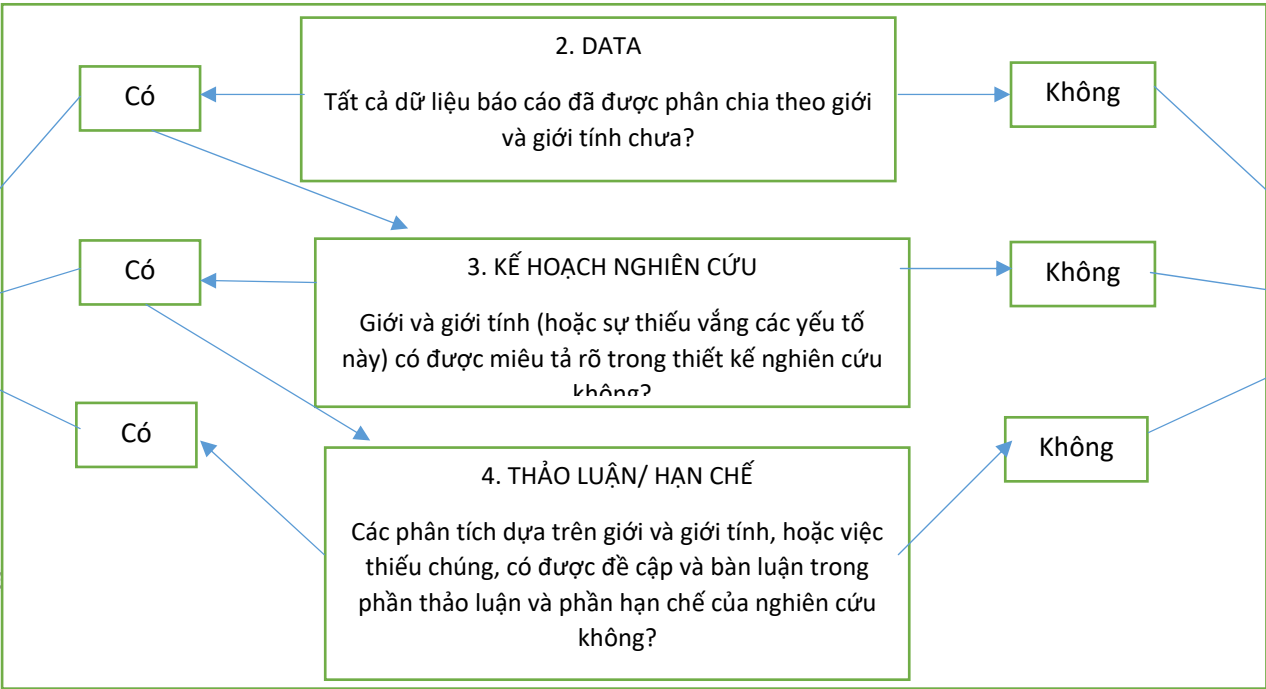
1. CHỦ ĐỀ NGHIÊN CỨU
Giới và giới tính có liên quan đến chủ đề nghiên cứu không?

Không

Có

Giải thích vì sao vấn đề trên không liên quan

Trả lời câu hỏi 2,3 và 4



Các biên tập viên giám sát/sàng lọc nên liên hệ với các tác giả để đảm bảo rằng các vấn đề này được giải quyết trước khi bài viết được gửi đến những người bình duyệt.

1. Giới và giới tính có liên quan đến nghiên cứu đang đề cập không?
2. Các tác giả đã giải quyết thỏa đáng về tầm quan trọng của giới và giới tính hay sự vắng mặt hợp lý của phân tích đó chưa?

Để có hiệu quả, các hướng dẫn cần được xác nhận kỹ càng từ cộng đồng khoa học, bao gồm các biên tập viên, nhà xuất bản, các hiệp hội biên tập, các tổ chức chuyên nghiệp, các nhóm vận động khoa học, nhà báo khoa học và các nhà truyền thông khoa học khác.

Các biên tập viên nên phân phối Bộ hướng dẫn SAGER cho nhà bình duyệt của tạp chí và khuyến khích họ sử dụng chúng trong việc đánh giá các bản thảo. Họ nên đảm bảo các mẫu đánh giá bản thảo được hoàn thành bởi những người bình duyệt bao gồm các câu hỏi cụ thể về tầm quan trọng và mức độ phù hợp của giới và giới tính.

Đào tạo đội ngũ biên tập về tầm quan trọng của những báo cáo nhạy cảm về giới và giới tính nên được tiến hành như một phần của việc đào tạo thường xuyên về hành vi đạo đức và thực hành biên tập.

Phụ lục 1: Các thuật ngữ

Giới (Gender). Giới đề cập đến vai trò, hành vi và bản sắc do xã hội kiến tạo của nữ giới, nam giới và những người đa dạng giới. Nó ảnh hưởng đến cách mọi người nhận thức về bản thân và mọi người xung quanh, cách họ cư xử và tương tác cũng như sự phân phối quyền lực và tài nguyên trong xã hội. Giới thường được khái niệm hóa không chính xác thành một yếu tố nhị phân (nữ/nam). Trên thực tế, có tồn tại một phổ các bản dạng giới (gender identities) và cách biểu hiện giới (gender expression) để các cá nhân tự xác định và thể hiện giới của họ.

Bản dạng giới hay bản sắc giới (Gender identity). Một người có thể có khái niệm về bản thân là nam và giống đực, nữ và giống cái, hay không xác định rõ ràng, một phần dựa trên đặc điểm thể chất, phản ứng của phụ huynh, và áp lực tâm lý và xã hội. Đây là trải nghiệm nội tại về vai trò giới. (Thuật ngữ lược, được giới thiệu vào năm 1991, sửa đổi vào năm 1975).

Phân tích dựa trên giới (Gender-based analysis). Một công cụ phân tích tích hợp một cách có hệ thống quan điểm giới vào việc phát triển các chính sách, chương trình và luật pháp, cũng như các quy trình lập kế hoạch và ra quyết định. Nó giúp xác định và làm rõ sự khác biệt giữa phụ nữ và nam giới, giữa trai và gái, chứng minh làm thế nào những khác biệt này ảnh hưởng đến tình trạng sức khỏe, tiếp cận và tương tác với hệ thống chăm sóc sức khỏe.

<http://www.hc-sc.gc.ca/hl-vs/pubs/women-femmes/gender-sexes-eng.php>

Phân tích dưới ảnh hưởng của giới (Gender-sensitive analysis). Phân tích số liệu thống kê vượt ra ngoài việc phân chia dữ liệu đơn giản theo giới tính (ví dụ: chỉ đơn thuần là đếm giới tính là không đủ). Các phân tích này ngầm coi ảnh hưởng của giới là mật thiết tới phương pháp luận cũng như việc tiến hành phân tích. Phân tích dưới ảnh hưởng của giới nên đặt câu hỏi về các mối quan hệ giới tiềm ẩn được phản ánh trong dữ liệu.

<http://www.oecd.org/dac/gender-development/44896238.pdf>

Quan điểm về giới (Gender perspective). Quan điểm về giới nhìn vào tác động của giới đối với cơ hội, vai trò và tương tác xã hội của mỗi con người. Việc thực hiện thành công các mục tiêu chính sách, chương trình và dự án của các tổ chức quốc tế và quốc gia bị ảnh hưởng trực tiếp bởi tác động của giới và thông qua đó, ảnh hưởng đến quá trình phát triển xã hội. Giới là một thành phần không thể thiếu trong mọi khía cạnh của đời sống kinh tế, xã hội, hàng

ngày và riêng tư của các cá nhân và xã hội và của các vai trò khác nhau được xã hội gán cho nam giới và phụ nữ.

<http://www.fao.org/docrep/003/x2919e/x2919e04.htm>

Giới tính (Sex). Giới tính đề cập đến một tập hợp các thuộc tính sinh học ở người và động vật có liên quan đến các đặc điểm vật lý và sinh lý bao gồm nhiễm sắc thể, biểu hiện gen, chức năng hormone và giải phẫu sinh sản/tình dục. Giới tính thường được phân loại là nữ hoặc nam, mặc dù có sự thiên biến trong các thuộc tính sinh học cấu thành giới tính và cách các thuộc tính đó được thể hiện.

Phân tích dựa trên giới và giới tính (Sex- and Gender-Based analysis). Một cách tiếp cận phân tích tích hợp quan điểm về giới và giới tính trong việc phát triển các nghiên cứu, chính sách và chương trình y tế, cũng như lập kế hoạch y tế và các quy trình ra quyết định. Nó giúp xác định và làm rõ sự khác biệt giữa phụ nữ và nam giới, trai và gái, và chứng minh làm thế nào những khác biệt này ảnh hưởng đến tình trạng sức khỏe, tiếp cận và tương tác với hệ thống chăm sóc sức khỏe.

<http://www.hc-sc.gc.ca/hl-vs/gender-genre/analys/index-eng.php>

Dữ liệu phân tách theo giới tính (Sex-disaggregated data). Dữ liệu được thu thập và trình bày riêng về nam và nữ. Khung triển khai chính thống giới tính UNESCO, 2003 (Gender Mainstreaming Implementation Framework—UNESCO, 2003).

Phân biệt giới tính (Sexism). Định kiến hoặc phân biệt đối xử dựa trên giới hoặc hành vi hoặc thái độ thúc đẩy vai trò xã hội rập khuôn dựa trên giới. (Thuật ngữ MESH, được giới thiệu vào năm 2013).

Người chuyển giới (Transgender Persons, Transexual persons, Transgenders). Những người có ý thức dai dẳng về nhân dạng và các biểu hiện hành vi mã hóa theo giới mà thông thường không được liên hệ với giới tính giải phẫu khi sinh ra. Họ có thể có hoặc không có mong muốn thực hiện các tiến trình – về mặt y học hay xã hội – nhằm tái xác định giới tính (thuật ngữ MeSH 2016 (2013)).

Phụ lục 2: Danh mục cho các tác giả khi báo cáo các kết quả nhạy cảm về giới

Phương pháp nghiên cứu

	✓ Các khái niệm về giới và/hoặc giới tính được sử dụng trong dự án nghiên cứu của bạn?
	✓ Nếu có, bạn đã xác định rõ ràng các khái niệm về giới tính và/hoặc giới tính chưa? Bạn đã nêu rõ các khía cạnh nào của giới tính và/hoặc giới tính đang được kiểm tra trong nghiên cứu của bạn?
	✓ Nếu không, bạn có coi đây là một hạn chế đáng kể không? Với kiến thức hiện có trong các tài liệu liên quan, có những yếu tố giới và/hoặc giới tính hợp lý nào cần được xem xét? Nếu bạn cho rằng giới và/hoặc giới tính có liên quan cao đến nghiên cứu đề xuất của bạn, thiết kế nghiên cứu nên phản ánh rõ điều này.
Câu hỏi nghiên cứu và giả thiết	
	✓ Câu hỏi nghiên cứu hoặc giả thiết của bạn có liên quan đến giới và/hoặc giới tính, hoặc các nhóm hoặc hiện tượng có liên quan không? (ví dụ: sự khác biệt giữa nam và nữ, sự khác biệt giữa phụ nữ, tìm cách hiểu một hiện tượng giới như nam tính)
Rà soát tổng quan lý thuyết	
	✓ Phần rà soát lý thuyết của bạn có trích dẫn các nghiên cứu trước hỗ trợ sự tồn tại (hoặc thiếu) của sự khác biệt đáng kể giữa phụ nữ và nam giới, trai và gái, hoặc nam và nữ hay không?
	✓ Phần rà soát lý thuyết của bạn có chỉ ra mức độ mà nghiên cứu trong quá khứ đã tính đến giới hay giới tính hay chưa?
Phương pháp nghiên cứu	
	✓ Mẫu của bạn có phù hợp để nắm bắt các yếu tố giới và/hoặc giới tính không?
	✓ Có thể thu thập dữ liệu được phân chia theo giới tính không?
	✓ Các tiêu chí đưa vào và loại trừ có hợp lý đối với giới và/hoặc giới tính không? (Lưu ý: phần này liên quan đến các đối tượng người và động vật và các hệ thống sinh học không phải là toàn bộ sinh vật)
	✓ Phương pháp thu thập dữ liệu được đề xuất trong nghiên cứu của bạn có phù hợp để điều tra về giới và/hoặc giới tính không?

	✓ Cách tiếp cận phân tích của bạn có phù hợp và đủ nghiêm ngặt để nắm bắt các yếu tố về giới và/hoặc giới tính không?
Đạo đức	
	✓ Thiết kế nghiên cứu của bạn có giải thích cho các vấn đề đạo đức có thể có ý nghĩa đặc biệt liên quan đến giới và/hoặc giới tính không? (ví dụ, bao gồm phụ nữ mang thai trong các thử nghiệm lâm sàng)
Nguồn: Chỉnh sửa từ Viện nghiên cứu sức khỏe Canada (Canadian Institutes of Health Research).	

VỀ EASE VRC

Thế giới hiện nay đang phải đối mặt với nhiều vấn đề có ảnh hưởng sâu sắc tới nhân loại như dịch bệnh, biến đổi khí hậu, hay bất bình đẳng, phân biệt chủng tộc, giới tính [29, 30, 31]. Vì thế, sự đóng góp mạnh mẽ hơn của khoa học là rất cần thiết để giúp thế giới có thể tìm ra các giải pháp trong giai đoạn khó khăn này. Tuy nhiên, bản thân khoa học cũng đang đối mặt với các vấn đề riêng của nó: sự lạm dụng các hệ số tác động trong đánh giá học thuật, cuộc khủng hoảng tái xác lập kết quả, hay vấn đề bình đẳng giới trong môi trường học thuật [32].

Đối mặt với các vấn đề này, cộng đồng khoa học đã liên tục đưa ra các sáng kiến, trào lưu, chương trình để góp phần mang lại các thay đổi tích cực: Plan S, Declaration on Research Assessment (DORA), các hệ thống lưu trữ bản thảo, dữ liệu như Open Science Framework, các cơ sở dữ liệu quan trọng như Publons—CSDL các nhà bình duyệt, biên tập khoa học, hay RetractionWatch—trang blog và CSDL theo dõi các bài báo bị rút [33-37]. Tất cả đều góp phần thúc đẩy bình duyệt mở, dữ liệu mở. Bộ hướng dẫn SAGER cũng là một trong các nỗ lực quốc tế quan trọng để có thể giúp cộng đồng khoa học thay đổi tốt đẹp hơn.

Cùng lúc đó, khoa học Việt Nam cũng bắt đầu tiếp cận các chuẩn mực xuất bản và biên tập quốc tế trong quá trình hội nhập khoa học thế giới. Ví dụ, các chính sách khoa học của Việt Nam đang tiến đến sử dụng cơ sở dữ liệu ISI Web of Science và Scopus cho công tác đánh giá (NAFOSTED với Quyết định số 251/QĐ-HĐQL-NAFOSTED [38]). Công tác biên tập khoa học cũng đang trong quá trình đổi mới, và là mục tiêu quan trọng trong chương trình nâng

phẩm cấp hệ thống ấn phẩm khoa học Việt Nam.

Hiệp hội Các nhà biên tập Khoa học Châu Âu (EASE) thông qua Vietnam Regional Chapter (VRC) đại diện cho một nỗ lực kết nối giới nghiên cứu khoa học Việt Nam với các nguồn lực, tiếp cận với các tiêu chuẩn bình duyệt và biên tập học thuật quốc tế. Bên cạnh các ấn phẩm, bộ hướng dẫn của EASE như SAGER sẽ được EASE Việt Nam dịch thuật, hiệu đính và công bố, các thông tin khoa học, bao gồm cả xuất bản, tài nguyên thông tin, vấn đề tiêu điểm khoa học và biên tập, cũng sẽ được chọn lọc giới thiệu qua hệ thống "SciComm" (<https://sc.sshpa.com/>). EASE VRC hy vọng các nỗ lực này sẽ giúp cộng đồng khoa học Việt Nam có thêm một kênh tư vấn xuất bản, góp phần giảm thiểu các chi phí khoa học và tăng hiệu quả đầu tư khoa học [39] Sự trợ giúp công việc cải thiện chất lượng xuất bản, biên tập kỳ vọng góp phần giải quyết thách thức, cũng như đáp ứng những yêu cầu trong thời kỳ mới của hội nhập khoa học quốc tế [40].

Dịch thuật và biên tập:

Hồ Mạnh Toàn (Trường ĐH Phenikaa và EASE Vietnam Regional Chapter);
Nguyễn Thị Linh (AISDL, Vuong & Associates, Hà Nội, Việt Nam); Phạm Thanh
Hằng (Đại học Hà Nội, Hà Nội, Việt Nam);

Vương Thu Trang (Sciences Po, Paris, France).

(Ngày hoàn thành: ngày 9 tháng 2 năm 2020)

Tài liệu tham khảo

1. Coen S, Banister E, editors. What a difference sex and gender make: a gender, sex and health research casebook. Ottawa, Canada: Canadian Institutes of Health Research; 2012.
2. Hoffman DE, Tarzian AJ. The girl who cried pain: a bias against women in the treatment of pain. J Law Med Ethics. 2001;29:13–27.
3. Institute of Medicine (IOM). Sex-specific reporting of scientific research: a workshop summary. Washington, DC: The National Academies Press; 2012.

4. Geller SE, Koch A, Pellettieri B, Carnes M. Inclusion, analysis, and reporting of sex and race/ethnicity in clinical trials: have we made progress? *J Womens Health*. 2011;20:315–20.
5. Leopold SS, Beadling L, Dobbs MB, et al. Fairness to all: gender and sex in scientific reporting. *Clin Orthop Relat Res*. 2014;472:391–2.
6. Clayton JA, Collins FS. Policy: NIH to balance sex in cell and animal studies. *Nature*. 2014;15(509):282–3.
7. Kim ESH, Menon V. Status of women in cardiovascular clinical trials. *Arterioscler Thromb Vasc Biol*. 2009;29:279–83.
8. Johnson JL, Greaves L, Repta R. Better science with sex and gender: facilitating the use of a sex and gender-based analysis in health research. *Int J Equity Health*. 2009;8:14.
9. Greenspan JD, Craft RM, LeResche L, et al. Studying sex and gender differences in pain and analgesia: a consensus report. *Pain*. 2007;132:S26–45.
10. U.S. Government Accountability Office, GAO-01-286R. Drug safety: Most drugs withdrawn in recent years had greater health risks for women, 2001. [Internet]. Available at: <http://www.gao.gov/products/GAO-01-286R>.
11. Food and Drug Administration. Risk of next-morning impairment after use of insomnia drugs; FDA requires lower recommended doses for certain drugs containing zolpidem (Ambien, Ambien CR, Edluar, and Zolpimist), FDA Drug Safety Communication, 2013. [Internet]. Available at: <http://www.fda.gov/Drugs/DrugSafety/ucm334033.htm>.
12. Linder A, Schick S, Hell W, et al. ADSEAT–Adaptive seat to reduce neck injuries for female and male occupants. *Accid Anal Prev*. 2013;60:334–43.
13. Jakobsson L, Norin H, Svensson MY. Parameters influencing AIS 1 neck injury outcome in frontal impacts. *Traffic Inj Prev*. 2004;5:156–63.
14. Zarin DA, Tse T, Ide NC. Trial registration at ClinicalTrials.gov between May and October 2005. *N Engl J Med*. 2005;353:2779–87.
15. Panic N, Leoncini E, de Belvis G, Ricciardi W, Boccia S. Evaluation of the endorsement of the preferred reporting items for systematic reviews and meta-analysis (PRISMA) statement on the quality of published systematic review and meta-analyses. *PLoS One*. 2013;8:e83138.

16. Schulz KF, Altman DG, Moher D, for the CONSORT Group. CONSORT 2010 statement: updated guidelines for reporting parallel group randomised trials. *Ann Int Med.* 2010;152:726–32.
17. Plint AC, Moher D, Morrison A, et al. Does the CONSORT checklist improve the quality of reports of randomised controlled trials? A systematic review. *Med J Aust.* 2006;185:263–67.
18. Kilkeny C, Browne WJ, Cuthill IC, Emerson M, Altman DG. Improving bioscience research reporting: the ARRIVE guidelines for reporting animal research. *PLoS Biol.* 2010;8:e1000412.
19. International Committee of Medical Journal Editors. Recommendations for the conduct, reporting, editing, and publication of scholarly work in medical journals, updated December 2014. [Internet]. Available at: www.icmje.org/icmje-recommendations.pdf.
20. No authors listed. Taking sex into account in medicine. *Lancet.* 2011; 378: 1826.
21. Doull M, Runnels VE, Tudiver S, Boscoe M. Appraising the evidence: applying sex- and gender-based analysis (SGBA) to Cochrane systematic reviews on cardiovascular diseases. *J Womens Health (Larchmt).* 2010;19:997–1003.
22. Doull M, Welch V, Puil L, et al. Development and evaluation of 'Briefing Notes' as a novel knowledge translation tool to aid the implementation of sex/gender analysis in systematic reviews: a pilot study. *PLoS One.* 2014;9:e110786.
23. Nowatzki N, Grant KR. Sex is not enough: the need for gender-based analysis in health research. *Health Care Women Int.* 2011;32:263–77.
24. Canadian Institutes of Health Research. Gender, sex and health research guide: a tool for CIHR applicants, 2014. [Internet]. Available at: <http://www.cihr-irsc.gc.ca/e/32019.html>.
25. NIH policy and guidelines on the inclusion of women and minorities as subjects in clinical research—amended, 2001. [Internet]. Available at: http://grants.nih.gov/grants/funding/women_min/women_min.htm.
26. Nieuwenhoven L, Klinge I. Scientific excellence in applying sex- and gender-sensitive methods in biomedical and health research. *J Womens Health (Larchmt).* 2010;19:313–21.

27. Nature's sexism. *Nature* [Internet]. 2012;491(7425):495–495. Available from: <http://www.nature.com/doi/10.1038/491495a>.
28. Gendered Innovations in Science, Health & Medicine, Engineering, and Environment. Sex and gender analysis checklists, 2014. [Internet]. Available at: <http://genderedinnovations.stanford.edu/researchers.html>.
29. Wu, Fan, et al. A new coronavirus associated with human respiratory disease in China. *Nature*. 2020: 1-8. DOI: 10.1038/s41586-020-2008-3
30. Cavicchioli R, et al. Scientists' warning to humanity: microorganisms and climate change. *Nat Rev Microbiol*. 2019;17:569-586.
31. Goudarzi S, et al. Economic system justification predicts muted emotional responses to inequality. *Nat Commun*. 2020; 11:1-9.
32. Kulkarni S. 7 Major problems science is facing: A survey overview. *Editage Insight* [Internet]. Available at <https://doi.org/10.34193/EI-A-5848>.
33. Plan S. [Internet]. Available at <https://www.coalition-s.org/>
34. DORA. Declaration on Research Assessment. [Internet]. Available at <https://sfdora.org/>
35. OSF. Open Science Framework. [Internet]. Available at <https://osf.io/>
36. Publons. Publons. [Internet] Available at <https://publons.com/>
37. RetractionWatch. Retraction Watch. [Internet]. Available at <https://retractionwatch.com/>
38. Hoa NQ. Công bố Danh mục tạp chí quốc tế và quốc gia có uy tín trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn. NAFOSTED [Internet] 20 Dec. 2019. Truy cập tại <https://nafosted.gov.vn/cong-bo-danh-muc-tap-chi-quoc-te-va-quoc-gia-co-uy-tin-trong-linh-vuc-khoa-hoc-xa-hoi-va-nhan-van/>
39. Vuong QH. The (ir)rational consideration of the cost of science in transition economies. *Nat Hum Behav*. 2018; 2:5, <https://doi.org/10.1038/s41562-017-0281-4>.
40. Vuong QH. Breaking barriers in publishing demands a proactive attitude. *Nat Hum Behav*. 2019; 3:1034, <https://doi.org/10.1038/s41562-019-0667-6>.